TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 29/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa chị H với anh C, chị H1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Thiện;
Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-DS ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. (có mặt)
Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Bị đơn:
- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988. (vắng mặt).
- Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Ngô Văn Th, sinh năm 1970. (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
Do chị Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 24/6/2022, chị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Vũ Thị H1 nên chị nhiều lần bán cám chăn nuôi lợn, gà cho vợ chồng anh C, chị H1 từ năm 2017 đến năm 2019. Khi anh C, chị H1 mua cám thì các bên đều thỏa thuận nợ tiền cám, khi nào anh C, chị H1 xuất bán lợn, gà thì trả tiền cho chị. Mỗi lần anh C, chị H1 mua cám thì chị đều chở đến nhà cho anh C, chị H1 và anh C, chị

H1 ký vào sổ nhận cám của chị. Đến ngày 15/6/2019 anh C có trả chị được số tiền 20.000.000 đồng, sau đó các bên có chốt lại số tiền còn nợ là 470.690.000 đồng, anh C có ký ở phần cuối số tiền chốt nợ, tiếp sau vợ chồng anh C có trả tiếp cho chị số tiền cụ thể: Ngày 18/7/2019 anh C trả 10.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 anh C trả 12.000.000 đồng, ngày 14/9/2019 anh C trả 20.000.000 đồng, ngày 26/10/2019 anh C trả 15.000.000 đồng, ngày 26/12/2019 anh C trả 20.000.000 đồng, ngày 27/02/2020 chị H1 trả 20.000.000 đồng, ngày 20/6/2020 chị H1 trả 35.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 338.690.000 đồng, chị H1 có ký xác nhận còn nợ số tiền trên và thỏa thuận tiếp tục trả số tiền còn lại. Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng anh C không trả tiếp số tiền còn lại, nên ngày 29/6/2020 chị đã khởi kiện đến Tòa án huyện T. Sau khi Tòa án thụ lý thì vợ chồng anh C, chị H1 có xác nhận còn nợ số tiền trên và đồng ý trả nợ trong năm 2021, nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng anh C tiếp tục trả nợ cho chị. Sau khi rút đơn thì ngày 21/6/2021 chị H1 trả số tiền 20.000.000 đồng, khi trả các bên chốt nợ, số tiền còn nợ lại là 318.690.000 đồng, chị H1 đã ký vào sổ chốt nợ, sau đó vợ chồng anh C không trả thêm số tiền nào khác, chị đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh C vẫn không trả.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh C, chị H1 có trách nhiệm trả vợ chồng chị số tiền gốc là 318.690.000 đồng, tiền lãi là 38.242.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có mặt và trình bày: Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh C, chị H1 có trách nhiệm trả chị số tiền gốc là 318.690.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 9,0%/năm kể từ thời điểm chốt nợ 21/6/2021, đến ngày xét xử và đề nghị tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn chị Vũ Thị H1 trình bày:

Vợ chồng chị có mua cám chăn nuôi của gia đình chị Nguyễn Thị H để chăn nuôi lợn, gà nhiều năm. Khi mua cám thì hai bên thỏa thuận khi nào xuất bán lợn, gà thì trả tiền cám, đến nay chị cũng không nhớ các lần mua cám của chị H, đến năm 2019 vợ chồng chị chốt nợ tiền cám của chị H khoảng 470.000.000 đồng. Sau đó, chị H thấy vợ chồng chị chăn nuôi bị thua lỗ nên không bán cám cho vợ chồng chị nữa. Từ năm 2019 đến năm 2021 vợ chồng chị trả cho chị H khoảng 150.000.000 đồng (chị không nhớ các lần trả cụ thể). Chị trả chị H lần cuối cùng vào tháng 6/2021, khi trả các bên có chốt nợ, số tiền còn nợ lại là 318.690.000 đồng. từ đó đến nay vợ chồng chị chưa trả thêm số tiền nào nữa.

Nay chị đồng ý cùng anh C trả vợ chồng chị H số tiền gốc là 318.690.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do làm ăn khó khăn, thua lỗ nên chị đề nghị được trả dần số tiền trên.

Tại phiên tòa, chị H1 vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến

của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 24/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn Th trình bày:

Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh xác định vợ chồng anh C, chị H1 có nợ tiền cám của vợ chồng anh số tiền là 318.690.000 đồng. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 phải trả vợ chồng anh số tiền gốc là 318.690.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Thuật vắng mặt và ủy quyền cho chị H, với tư cách người đại diện theo ủy quyền chị H giữ nguyên yêu cầu trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc vợ chồng anh C, chị H1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị H, anh Thuật số tiền gốc là 318.690.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử 29/7/2022 là 31.709.000 đồng.

Về án phí: anh C, chị H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về người tham gia tố tụng: tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh (là mẹ đẻ của anh C) cùng có trách nhiệm trả số tiền trên, nhưng trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì chị H chỉ yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không đưa bà Nh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh C, chị H1 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Th vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của chị H đòi vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Vũ Thị H1 trả số tiền là 318.690.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện, chị H có giao nộp 01 giấy chốt nợ, ngày chốt nợ cuối cùng là ngày 21/6/2021 với số tiền là 318.690.000 đồng, có chữ ký của chị H1. Chị H xác định vợ chồng anh C, chị H1 có mua cám của vợ chồng chị, đến ngày 21/6/2021 còn nợ tiền cám với số tiền 318.690.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H1 là bị đơn cũng thừa nhận còn nợ số tiền trên. Đối với anh C trong quá

trình giải quyết vụ án anh C không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng những lời trình bày trong hồ sơ vụ án thụ lý số 71 ngày 08/7/2020 (cùng mối quan hệ tranh chấp, đã được Tòa án đình chỉ năm 2020) thì anh C cũng xác nhận còn nợ vợ chồng chị H số tiền 338.690.000 đồng và anh đồng ý trả số tiền trên. Từ các chứng cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do vợ chồng anh C, chị H1 không có ý thức thanh toán trả nợ cho vợ chồng chị H, mặc dù chị H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh C thanh toán nhưng vợ chồng anh C vẫn không thanh toán nên buộc chị H phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của chị H là phù hợp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 và bà Nguyễn Thị Nh (là mẹ đẻ của anh C) cùng có trách nhiệm trả số tiền trên, nhưng trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì chị H chỉ yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Hội đồng xét xử thấy cả anh C cùng chị H1 đều ký vào giấy chốt nợ. Mặt khác, việc mua bán cám để vợ chồng anh C, chị H1 chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ trả nợ trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng anh C, chị H1.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa chị H yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 phải trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 9,0%/năm kể từ ngày chốt nợ đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử thấy, quan hệ tranh chấp là mua bán tài sản và khi giao dịch các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền. Do đó, yêu cầu của chị H phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự, cần được chấp nhận, lãi suất được tính cụ thể:

Lãi suất của số tiền 318.690.000 đồng từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/7/2022 là 01 năm, 01 tháng, 08 ngày x 9,0%/năm thành tiền là: 31.709.000 đồng.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: chị H yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên vợ chồng anh C, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 350.399.000 đồng x 5% = 17.519.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Vũ Thị H1 phải liên đới trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Văn Th số tiền 318.690.000 đồng (Ba trăm mười tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) gốc và 31.709.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bẩy trăm linh chín nghìn đồng) lãi. Tổng số là 350.399.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2022, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Vũ Thị H1 phải chịu 17.519.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền 8.920.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011538 ngày 07/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy